

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN GIÁO  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22/9/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bạc Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Ông Giàng A Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2022/TLST-HN&GD ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị L, năm sinh: 1990; nơi ĐKKHKT: Bản Nà S, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện nay: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn V, năm sinh: 1992; địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn V chung sống với nhau từ đầu năm 2015, sau đó đi đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. Chị Lò Thị L và anh Lò Văn V kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là lúc chị L mang bầu gần đến sinh con thì phát hiện anh V sử dụng ma túy. Chị L và gia đình cũng khuyên can anh V, nhưng anh V không thay đổi. Thời gian kéo dài sau khi sinh con và nuôi con được gần hai tuổi, lúc đó vào giữa năm 2017 vì không chịu đựng được nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị L ở bản Hua N, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên ở cho đến nay. Trong thời gian không còn sống chung, vợ

chồng cũng không còn quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau. Đến nay giữa chị L không còn tình cảm vợ chồng, không còn yêu thương anh V, nên không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc với anh V. Vì vậy chị L giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Lò Văn V.

Về con chung: Chị Lò Thị L xác nhận, chị và anh Vân có 01 con chung là cháu Lò Thị Thu H, sinh ngày 29/10/2015. Hiện cháu H đang sống cùng anh V và bố mẹ anh V ở tại bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. Do cháu H từ nhỏ đã ở cùng anh V và ông bà nội, cuộc sống của cháu vẫn đảm bảo và cháu được đi học đầy đủ. Cháu H nhận được sự yêu thương chăm sóc của bố và ông bà nội. Vì vậy để cháu có cuộc sống ổn định chị L giao cháu H cho anh Lò Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị L cho rằng sau khi bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, bản thân chị L cũng sống phụ thuộc gia đình, làm nương chỉ đủ chi phí cho bản thân, nhiều khi còn được bố mẹ giúp đỡ do sức khỏe không được tốt vì vậy chưa cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Về án phí: Chị Lò Thị L đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lò Văn V, nhưng anh V đang đi làm thêm, khi đi làm thêm anh V cũng không thông báo với chính quyền địa phương, thông qua gia đình là bà Lò Thị T là mẹ đẻ của anh Lò Văn V cho biết: Về hôn nhân anh Lò Văn V đồng ý ly hôn với chị L, đối với con chung nhận trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng, anh V vẫn gửi tiền về cho bà T để chu cấp chi phí học tập và sinh hoạt của cháu H, tài sản và nợ không có.

Tại Biên bản xác minh ngày 04/7/2022 đại diện chính quyền bản cho biết: Về hôn nhân giữa chị Lò Thị L và anh Lò Văn V đã có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V trước đây có chơi bời. Do không thể tiếp tục chung sống với anh V nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ không quay lại bản N sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Về con chung có 01 người con, là cháu Lò Thị Thu H. Từ ngày chị L bỏ đi khi đó cháu H còn nhỏ, nhưng cháu H vẫn được anh V và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng; đến nay cháu H vẫn được đi học, có cuộc sống ổn định. Để đảm bảo cho cháu H có cuộc sống ổn định, nên giao cháu H cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của anh V nhận nuôi con.

Trình bày nguyện vọng của cháu Lò Thị Thu H: Cháu Lò Thị Thu H có nguyện vọng được ở cùng với bố đẻ là anh Lò Văn V, cháu được đi học và được bố, ông, bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng; từ ngày mẹ cháu bỏ đi cháu chỉ ở với bố và ông bà nội.

Tại Biên bản xác minh bà Lò Thị T (Mẹ đẻ của anh Lò Văn V) trình bày: Sau khi Tòa án đến giao các văn bản, bà T đã liên lạc với anh V và thông báo toàn bộ nội dung các văn bản cho anh V biết, có sự chứng kiến của trưởng bản. Qua liên lạc anh V có ý kiến: Về việc chị L ly hôn, anh V cũng đồng ý ly hôn; về con chung anh V có nguyện

vọng được trực tiếp nuôi con chung, ngoài ra không có ý kiến gì. Về tài sản và nợ không có.

Đến ngày 21/9/2022, Tòa án đã nhận được Đơn đề nghị của anh Lò Văn V, tại đơn có nội dung như sau: Về hôn nhân: Anh Lò Văn V và chị Lò Thị L có đăng ký kết hôn tại UNND xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn thì chị L và anh V có xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2019 chị L đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ để sống cho đến nay. Trong thời gian không còn sống chung, thì anh V và chị L cũng không còn liên lạc với nhau. Đến nay anh V cũng không còn tình cảm với chị L nên chị L xin ly hôn anh V cũng đồng ý. Về con chung: Anh V và chị Lan có 01 người con chung là cháu Lò Thị Thu H, sinh ngày 29/10/2015. Anh V cho rằng từ ngày chị L bỏ, cháu H do anh V trực tiếp nuôi dưỡng; đến nay anh V nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi đủ tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động; anh V không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ không có.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị L, cho chị Lò Thị L ly hôn với anh Lò Văn V; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lò Thị Thu H, sinh ngày 29/10/2015 cho anh Lò Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị L và anh V không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên không đề nghị xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý; sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị L với anh Lò Văn V thì được xác định là vụ án yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị L nộp đơn khởi kiện, anh V có nơi ĐKKTT tại bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Lò Thị L và anh Lò Văn V đúng theo quy định tại Điều 175; Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa mở lại vào ngày 22/9/2022 chị L và anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin vắng mặt; vì vậy Tòa án vẫn tiến

hành mở phiên tòa, việc đưa ra xét xử vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự vắng mặt và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 11/8/2015. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị L và anh V là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo để thực hiện việc hòa giải để các đương sự đoàn tụ, nhưng HĐXX thấy rằng anh V mặc dù đã được thông báo nhưng không đến để tiến hành hòa giải do đó thấy rằng anh V không có thiện chí hòa giải để quay về đoàn tụ. Để đảm bảo khách quan về giải quyết hôn nhân của chị L và anh V, Tòa án đã tiến hành xác minh thì thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh V đã có rạn nứt, nguyên nhân là do anh V sử dụng ma túy, chị L đã không còn chung sống với anh V từ năm 2017. Do đó có thể thấy rằng, nguyên nhân dẫn đến rạn nứt giữa chị L và anh V là do anh V đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng sử dụng ma túy, trong cuộc sống không biết cố gắng để tránh xa tệ nạn xã hội, không cố gắng rèn luyện để là tấm gương cho con, cùng vợ vun đắp xây dựng hạnh phúc gia đình. Như vậy có thể xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh V không còn hạnh phúc, thời gian sống ly thân đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị L, cho chị Lò Thị L ly hôn với anh Lò Văn V.

[3] Về con chung: Xác nhận chị Lò Thị L và anh Lò Văn V có 01 con chung là cháu Lò Thị Thu H, sinh ngày 29/10/2015. Sau khi xem xét, đánh giá toàn bộ tài liệu chứng cứ về việc giao nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2017, thời điểm chị L bỏ đi khi cháu H chưa tròn 2 tuổi, với lứa tuổi còn cần sự chăm sóc của người mẹ nhưng chị L lại không chăm sóc con mà để lại cháu H cho anh V chăm sóc. Đến nay qua xác minh thấy cuộc sống của cháu H vẫn được đảm bảo về cả thể chất lẫn tinh thần, hơn nữa anh V và gia đình đều có nguyện vọng muốn cho cháu H có cuộc sống ổn định phù hợp với nguyện vọng của cháu H mong muốn được ở với bố, đồng thời chị L cũng khẳng định về điều kiện khó khăn của mình nếu nhận cháu H nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cho cháu H có một cuộc sống tốt. Do đó để cháu H tiếp tục có cuộc sống ổn định, đảm bảo phát triển đầy đủ về cả thể chất lẫn tinh thần, thì HĐXX thấy cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu H cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị L và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng; việc không yêu cầu cấp dưỡng, HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung, nên HĐXX không giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn V, không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy chị Lò Thị L là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và chị L đã có đơn đề nghị miễn án phí; nên chị L đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình.  
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn với anh Lò Văn V.
2. Về con chung: Giao cho anh Lò Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Lò Thị Thu H, sinh ngày 29/10/2015 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị L, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Lò Văn V có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Lò Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị L và anh Lò Văn V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, riêng: Không có.
4. Về án phí: Chị Lò Thị L được miễn án phí ly hôn.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN CỦA HĐXX**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Nà Sáy;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**